

MỘT SỐ KHÍA CẠNH XÃ HỘI-VĂN HOÁ CỦA NGƯỜI M'NÔNG, HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮC LẮC

PHẠM QUANG

DỐI tượng nghiên cứu trực tiếp được trình bày trong bài báo này là người M'Nông ở bon 01 và bon 9 của xã Đăk Rô ; ngoài ra có sử dụng tư liệu thu thập được ở xã Nam Nung, để có cái nhìn chung hoặc so sánh các vấn đề có liên quan trong một số trường hợp cần thiết.

1. Các hình thức lập cư và thành phần tộc người

Dân tộc M'Nông theo chế độ mẫu hệ và thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme. Qua quan sát của chúng tôi, toàn bộ xã hội M'Nông được phân thành những đơn vị cơ sở là bon (tương ứng với làng ở người Việt). Bon vừa là điểm tụ cư, vừa là một tổ chức xã hội, một môi trường văn hoá của dân tộc. Do tác động của một số nguyên nhân cho nên hình thức tổ chức và quy mô của bon 01 và bon 9 của xã Đăk Rô đã có những thay đổi nhất định.

Bon 01 thuộc thôn 5 - một thôn có cả người Việt đi xây dựng kinh tế mới, từ Nam Hà đến từ năm 1987. Tuy nhiên, cơ cấu thuần nhất tộc người vẫn là đặc điểm chi phối của đơn vị cư trú hiện nay ở 01. Bon có 70 hộ với hơn 400 khẩu, chủ yếu là dân tộc M'Nông đã sinh

cơ lập nghiệp ở đây từ lâu đời. Chúng tôi chỉ thấy một người Gia-rai tên là Ma Hon đến lấy vợ và ở rể tại bon này. Những gia đình M'Nông ở đây đều sống trong các ngôi nhà sàn, có một số nhà dài tới 15 - 20m, lợp bằng tranh hoặc tôn. Những ngôi nhà trong bon ở quần tụ trên khu đất tương đối bằng phẳng nhưng không được bố trí thành từng dãy rõ rệt và theo kiểu khuôn viên như ở người Gia-rai huyện Chư Păh, như chúng tôi đã quan sát thấy. Tuy vậy, có thể dễ dàng nhận ra các mảnh vườn nhỏ cạnh nhà ở của từng gia đình với các loại cây ăn quả như mít, xoài, măng cầu, chôm chôm, sầu riêng, chuối, các loại cây cần dùng cho bữa ăn hàng ngày như bầu, bí, su su, mướp, các loại cây công nghiệp như cà phê, tiêu.

Khác với bon 01, bon 9 thuộc thôn 1 có cấu trúc và quy mô nhỏ hơn, chỉ có 34 hộ với 95 khẩu. Ngoài người M'Nông là thành phần dân tộc chính, trong bon còn có một số hộ người Việt sinh sống. Hợp thành bon là những căn nhà trệt nhỏ tập trung tại một khoảnh đất sát bên đường huyện, cách trung tâm huyện chừng 4km. Nhà cửa của người M'Nông ở đây trông khá đơn sơ và được bố trí không theo trật tự rõ rệt. Nguồn sống chính của đồng bào là dựa vào canh

tác nương rẫy, không có ruộng nước như người M'nông ở bon O1 cùng xã. Theo lời kể của một số người M'nông ở đây, trong thời kỳ thuộc Pháp, bon 9 ngày nay gọi là bon Leng. Leng là tên người khai phá và là chủ đất đầu tiên của bon này. Hồi đó bon có 4 cánh đồng ruộng nước, nằm dọc ven 4 con suối : Lec, Bel, Ong, R'bo với tổng diện tích là 14 ha. Vì những lý do khác nhau, 4 cánh đồng trồng lúa nước này thuộc quyền sử dụng của người Ê-đê ở bon K62, cũng thuộc xã Đăk Rô, từ năm 1975. Số ruộng này, hiện nay người Ê-đê ở bon K62 không sử dụng mà đã nhượng lại cho người Việt lên xây dựng kinh tế mới. Điều này cũng lý giải tại sao người M'nông ở bon 9 sống chủ yếu dựa vào canh tác nương rẫy. Mặc dù đã định cư được hơn 10 năm nay nhưng kinh tế vườn của các gia đình ở bon 9 vẫn chưa phát triển và chưa định hình một cách rõ nét như người M'nông ở bon 01.

Khi xem xét kết cấu tộc người trong các bon ở người M'nông không thể không chú ý đến hiện tượng xuất hiện đại diện của một số tộc người khác cư trú trong cộng đồng M'nông. Có thể thấy bức tranh này qua các bon R'Cập, Dốc Du, Gia Rá của xã Nam Nung. Bon R'Cập có 89 hộ với 448 khẩu, có 4 người khác tộc đều là người Ba-na đến ở rể. Bon Dốc Du với 27 hộ, 157 khẩu, có 3 người khác tộc : 2 chú rể là người Ba-na và 1 người H'rê. Bon Gia Rá có 72 hộ, 434 khẩu, có 3 người khác tộc : 2 chú rể là người Ba-na và 1 người Ê-đê. Cũng ở bon R'Cập có 15 hộ người Việt cư trú. Bon Dốc Du đã tiếp nhận 6 hộ người Việt đến cư trú.

Một hiện tượng khác cần lưu ý nữa là, hiện nay trên địa bàn huyện Krông Nô nói chung, xã Đăk Rô và Nam Nung nói riêng, tình hình di dân tự phát, hay còn gọi là di dân "tự do" của đồng bào các dân tộc thiểu số từ các tỉnh phía Bắc vào ngày một đông. Theo số liệu của phòng kinh tế huyện, tính đến năm 1992 đã có 806 hộ với 4512 khẩu ở các tỉnh miền núi phía Bắc, tự phát đi vào huyện Krông Nô. Chỉ tính riêng xã Nam Nung đã có 259 hộ với 1892 khẩu là dân tộc Dao từ các tỉnh Quảng Ninh, Lạng sơn, Hà Bắc di cư vào không nằm trong kế hoạch. Xã Đăk Rô có 33 hộ, 181 khẩu là dân tộc Tày, Nùng từ Cao Bằng di cư "tự do" vào, v.v... Đồng bào các dân tộc Dao, Tày, Nùng... di cư tự phát hầu hết tìm đến những nơi có rừng già, rừng đầu nguồn, vùng sâu và xa.

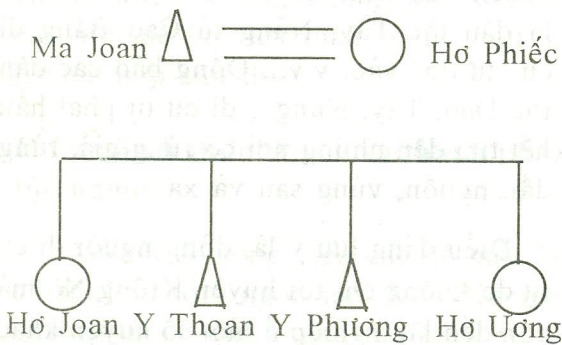
Điều đáng lưu ý là, dòng người di cư tự do không chỉ tới huyện Krông Nô mà còn đến lập nghiệp ở một số huyện khác của tỉnh Đăk Lăc, có huyện số dân năm sau tăng hơn năm trước từ 4 đến 5 lần (huyện Ea H'leo, Krông Ana). Chỉ trong ba tháng, từ tháng 1 đến tháng 3 năm 1996, tỉnh Đăk Lăc đã có 1921 hộ với 7708 khẩu của 11 tỉnh di dân tự phát đến cư trú tại 10 huyện, phá khoảng 3.000 ha rừng.

Cho đến nay, chưa thể thống kê được đầy đủ mức độ thiệt hại về rừng và tài nguyên do tình trạng di dân tự phát gây ra. Việc di dân này trên thực tế vẫn đang diễn ra và để lại nhiều vấn đề như tàn phá môi trường, tác động đến sở hữu cộng đồng, ảnh hưởng đến mối quan hệ tộc người trong vùng, gây khó khăn trong

việc quản lý dân cư và địa giới hành chính... Mặt khác, cũng phải thấy rằng việc tàn phá rừng còn do các nguyên nhân khác nữa.

2. Mối quan hệ trong bon

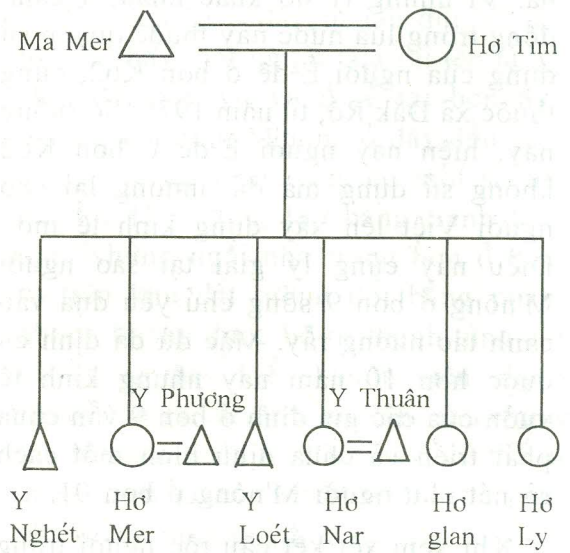
Hợp thành bon là những gia đình, trong đó thường thấy phổ biến hơn là những tiểu gia đình mẫu hệ bao gồm một cặp vợ chồng cùng con cái của họ. Quy mô trung bình của gia đình nhỏ mẫu hệ thường có từ 5 - 7 người (xem sơ đồ gia đình Ma Joan, bon O1, xã Đắk Rồ).



Tuy nhiên, cũng thấy có gia đình nhỏ có tới 12 thành viên, gồm một cặp vợ chồng và 10 người con chưa xây dựng gia đình, như gia đình ông Ma Hon cũng ở bon O1, xã Đắk Rồ.

Bên cạnh hình thái tiểu gia đình là chủ yếu, chúng tôi cũng gặp thấy trong một ngôi nhà dài có 3 cặp vợ chồng với con cái của họ cùng sinh sống. Tuy nhiên, mỗi cặp vợ chồng tiến hành sản xuất riêng, tiêu dùng riêng, tích lũy tài sản riêng, làm vườn cũng riêng. Gia đình Ma Chiến có 3 bếp. Bếp thứ nhất gồm có Ma Chiến cùng vợ và 3 người con, bếp thứ hai có Ma Huân cùng vợ và 3 người con, bếp thứ ba có Ma Tuynh cùng

vợ và 4 người con. Khi được hỏi bao giờ thì vợ chồng anh sẽ tách ra ở riêng, Ma Chiến trả lời : "Gia đình sẽ tách ra làm nhà riêng khi điều kiện kinh tế gia đình cho phép". Cũng có trường hợp trong một nhà sàn dài có tới 3 cặp vợ chồng cùng sinh sống, gia đình Ma Mer hằng hạn (xem sơ đồ) :



Điều cần lưu ý là 3 cặp vợ chồng trong nhà ông Ma Mer đều làm rẫy chung, ăn chung, có tài sản chung. Loại hình gia đình như nhà ông Ma Mer ở người M'nông không nhiều. Tuy nhiên điều đó chứng tỏ rằng đại gia đình (gia đình lớn) vẫn đang tồn tại và ngày càng thu hẹp về quy mô (số thành viên và số cặp vợ chồng giảm đi).

Trong gia đình người M'nông, người phụ nữ đóng vai trò quyết định đối với nhiều vấn đề, đặc biệt là quản lý tài chính và điều phối chi tiêu. Quyền thừa kế theo dòng mẹ, con gái út được ở lại với cha mẹ và được hưởng phần tài sản nhiều hơn.

Tính cố kết cộng đồng bon ở người M'nông được thể hiện ở sự giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất cũng như trong các lĩnh vực đời sống hàng ngày. Đến nay cả bon O1 và bon 9 vẫn còn tồn tại truyền thống tốt đẹp gọi là "tu tay" - hình thức đối công tự nguyện giữa 5, 6 hộ trong bon. Nhóm gia đình này giúp nhau phát rẫy, tủa lúa, làm cỏ, rào nương theo nguyên tắc là mỗi gia đình đối công cho nhau cân xứng. Người ta còn giúp nhau trong các dịp làm nhà mới, cưới xin, tang ma,...

Trước kia cũng như hiện nay, những gia đình cùng một dòng họ thường cư trú gần nhau. Ngoài gia đình nhỏ và tàn dư gia đình lớn, thành viên trong bon thuộc về các dòng họ (*mpól*) khác nhau. Người M'nông ở bon O1 có các dòng họ : Nie, Nhuôl, Buôn Ja, K'nul, K'run, Ebel.

Các dòng họ thường gắn với tín ngưỡng và kiêng cử đối với một con vật (gà, khỉ, nhím...), cây (củ kiệu, bí đao, mướp...) hay vật gì đó. Mỗi dòng họ đều có gia phả (*Yao*), ghi gốc tích và các thế hệ của dòng họ mình. Khi cưới xin người ta đọc *Yao* để biết việc kết hôn có vi phạm nguyên tắc ngoại hôn hay không.

Xưa kia, mối quan hệ dòng họ trong sở hữu đất đai tập trung ở vai trò *Kuôl, Tôm* - người đại diện cho quyền sở hữu đất đai của dòng họ. Theo lời kể của một số cụ già ở bon O1, mỗi dòng họ có vùng lãnh thổ của mình được xác định bởi ranh giới rõ ràng, hàng năm trong dòng họ thường có hoạt động nhằm củng cố quyền sở hữu ấy, gọi là "chỉ

dẫn ranh giới rừng và đất". Các bô lão dẫn trẻ em đi thăm đất đai và giải thích cho chúng biết về địa vực đã xác định. Ai muốn sử dụng đất đai của họ khác để gieo trồng, phải hỏi trưởng họ ấy. Như vậy là trước kia đã diễn ra quá trình hình thành bon O1 trên cơ sở tập trung người của các dòng họ khác nhau, đồng thời xác lập địa vực của bon nhờ hợp nhất sở hữu đất đai của các dòng họ cộng cư.

3. Tính cộng đồng trong bon

Mỗi bon có phạm vi đất đai để ở và sản xuất được người trong bon biết rõ, gìn giữ, đồng thời được các bon láng giềng thừa nhận. Quả vậy, khi tiếp xúc với một số người ở bon 9, họ vẫn nhớ rất rõ ranh giới và địa vực của bon này.

Việc xác định phạm vi đất sinh sống của bon được phản ánh quyền chiếm hữu cũng như sự bảo vệ của cộng đồng bon đối với đất đai và các nguồn lợi khác trên đất đai đó mà mỗi thành viên của bon đều có quyền sử dụng như nhau. Người M'nông rất tôn trọng quyền chiếm hữu đất đai đã có từ lâu đời. Họ thường áp dụng một số cách đánh dấu quyền chiếm hữu đất đai của mình như đốt một chỗ giữa đám rẫy, phát xung quanh khu vực làm rẫy. Riêng đối với rừng già nếu chưa phát rẫy thì đánh dấu bằng cắm một que nêu. Người M'nông kiêng xếp đá để đánh dấu chỗ làm nương trong các khu rừng già, cho rằng hòn đá sẽ đem lại những điều rủi ro cho gia đình và cộng đồng. Nếu ai cố tình đánh dấu nương bằng xếp đá sẽ bị phạt heo để cúng ma rừng. Luật tục M'nông ở bon O1 cũng quy định rất rõ đất rừng, rẫy đều đã có chủ, tức là những người đã

trông trọt trước nay đã để hươu canh hay đã cắm mốc chuẩn bị làm rẫy mới, còn ranh giới giữa các bon thì đã phân mốc khá rõ rệt, không ai ở ngoài làng được tự do xâm phạm. Trước kia, những người nơi khác đến nhập cư vào bon mà không xin phép chủ làng (*Kroanh bon*) và cúng thần đất, để gây ra những tai hoạ, ốm đau cho cả bon, thì phải phạt trâu (nếu làng bị ốm đau). Người đi tranh chấp đất vườn, rẫy người khác, buộc phải trả lại, ngoài ra phải chịu phí tổn (một con lợn, một ché rượu) để cúng làm lễ dàn hoà. Nếu ngoan cố không chịu, thì ngoài việc bồi thường còn phải phạt 4 cái ché và 1 con trâu. Trong khi tranh chấp đất giữa chủ cũ và người làm sau, luật tục cũng khuyến khích hai bên tự cùng nhau dàn xếp, có thể chia nhau đất cùng canh tác, hay nhường hẳn cho nhau.

Tổ ong trong rừng thuộc quyền sở hữu người tìm ra đầu tiên hay gác "ổ" để ong làm tổ. Người nào lấy mật ở tổ ong đã có chủ thì phải trả lại chủ cũ hoặc bồi thường bằng tiền hay của cải tương ứng. Nếu cố tình không trả mà còn gây sự, chửi rủa, đánh đập thì phải phạt. Chiếm đoạt hay giết trâu, bò của người khác thả rông trong rừng thì phải bồi thường gấp đôi.

Tại các bon được khảo sát đều có một khu rừng cấm, rừng đầu nguồn, là nơi thờ "ma", nên không cho phép mọi người chặt cây, phá rừng làm rẫy. Người nào vi phạm mà gây tai hoạ thì tùy theo mức độ thiệt hại mà phạt vạ như sau :

Nếu có người chết thì phải giết trâu, bò để cúng thần linh.

Nếu làm cho người trong bon ốm đau thì phải làm lễ tạ tội thần linh. Bên nước

của bon là nơi linh thiêng, có thần bên nước trông coi. Nếu ai làm bẩn nguồn nước, chửi rủa hay đánh nhau ở bên nước sẽ bị phạt. Theo luật tục, người vi phạm phải giết lợn và nộp một ché rượu cần cúng thần bên nước, có sự chứng kiến của bon.

Cho đến nay, luật tục của người M'ông vẫn còn giá trị trong đời sống cộng đồng, tuy nhiên đã có những cải biến nhất định về thể thức nộp phạt liên quan đến một số lĩnh vực. Những trường hợp vi phạm tài sản, đất đai trước kia thường phải nộp phạt bằng trâu thì ngày nay được thay bằng vàng hoặc tiền. Người M'ông ở bon Bol kể lại rằng nếu ai tự tiện sử dụng mà không hỏi ý kiến của chủ, 1 sào phải trả 3 chỉ vàng (1.500.000đ) đối với ruộng một vụ và 6 chỉ vàng (3.000.000đ) đối với ruộng hai vụ. Chủ làng bon 9 cũng cho chúng tôi biết đã phạt người bon K62, 1 con lợn 30 kg và 500.000 đ vì đã cuốc vào mộ tổ tiên gia đình ông (theo phong tục, người vi phạm bị phạt một con trâu).

Một đặc điểm cần lưu ý là tinh thần cộng đồng giúp đỡ lẫn nhau giữa các gia đình trong bon còn mang những dấu vết của chế độ phân phối bình quân xưa khá rõ nét. Trong một số nghi lễ liên quan đến chia vui, ăn cơm, uống rượu cần chung, chủ nhà còn chia cơm, thịt cho tất cả mọi người trong bon. Khi săn được thú rừng, người có công hạ sát con vật được hưởng cái đầu hoặc đùi sau, số thịt còn lại chia theo nhân khẩu của các hộ trong bon. Khi một gia đình nào đó làm lễ đâm trâu, người chủ không bao giờ quên chia phần cho các gia đình khác.

4. Quản lý xã hội M'nông cấp bon

Bon là địa bàn tụ cư ổn định, một tổ chức xã hội có tính cộng đồng tự quản, tự giải quyết những vấn đề trong bon theo luật tục. Trong bon chông xếp nhiều quan hệ về địa vực, huyết thống, láng giềng, tín ngưỡng. Trong thế ứng xử của người M'nông, không phải hành vi nào cũng sẵn có pháp luật quy định và điều chỉnh, ngược lại, có nhiều vụ việc, cả những xích mích, mâu thuẫn chỉ cần xử lý bằng luật tục, bằng tình cảm cộng đồng là cũng ổn thoả.

Trong xã hội truyền thống ở người M'nông cho đến những năm gần đây, sự phân công theo nghề nghiệp vẫn chưa xuất hiện. Mọi thành viên của cộng đồng bon đều là những nông dân làm rẫy. Sự phân tầng theo tài sản tuy đã xuất hiện nhưng vẫn ở vào giai đoạn manh nha. Chỉ có sự phân tầng tự nhiên: phân tầng theo giới tính và phân tầng theo tuổi là rõ nét. Ở bon 01 và bon 9 đều có già làng bao gồm những người đàn ông cao tuổi có uy tín trong cộng đồng. Mỗi bon có 3 người và không phải là dân ngụ cư, ở độ tuổi từ 50 trở lên. Đó là những đàn ông thạo ăn nói, giao thiệp rộng, am hiểu tinh thông luật tục, hiểu rõ nguồn gốc và các mối quan hệ họ hàng của bon, có uy tín trong các lĩnh vực sản xuất, nhất là làm kinh tế giỏi, chủ trì tốt các lễ nghi dân tộc và trao truyền văn hoá dân tộc cho các thế hệ con cháu. Già làng còn là những người có một cuộc sống bình thường, có lòng nhân ái bao dung. Thông thường, già làng là những người đứng đầu một số dòng họ lớn và làm kinh tế giỏi. Ngoài ra, theo

quan niệm của người M'nông, người già được coi trọng vì các thần nể các cụ hơn bất cứ người nào khác.

Hiện nay, bon 01 và bon 9 đều có tổ hoà giải bao gồm các già làng và đại diện các tổ chức đoàn thể phụ nữ, mặt trận, hội nông dân tập thể, hội cựu chiến binh. Những vụ va chạm, xích mích ở bon đều do tổ hoà giải phân xử trước, dựa trên cách giải quyết truyền thống của luật tục xưa kia và cũng có gắn phần nào đến luật pháp Nhà nước hiện hành. Chỉ khi nào tổ hoà giải cơ sở không xử lý được thì mới chuyển sự việc lên cấp xã. Nhưng trường hợp này rất ít khi xảy ra. Điều đó chứng tỏ sức sống bền vững của luật tục trong đời sống hiện nay ở người M'nông. Vai trò quan trọng nhất của luật tục là củng cố, gắn kết các thành viên cộng đồng, xây dựng cuộc sống chung hài hoà, đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau. Giá trị giáo dục của luật tục tạo cho con người những đức tính quý báu như dân chủ, cộng đồng, chân thực, siêng năng, cần cù, hữu ái, rộng lượng.

Vị trí của người chủ làng và vai trò thiết chế tự quản của bon cổ truyền vẫn giữ vị trí đáng kể trong việc quản lý cộng đồng. Chính già làng là những người giữ gìn, bảo tồn và trao truyền các giá trị văn hoá của dân tộc. Những tri thức dân gian về thiên nhiên, những kinh nghiệm quý báu trong sản xuất, trong truyền các nghề thủ công truyền thống, trong phép ứng xử,... được các già làng chung đúc lại và truyền thụ cho đời sau làm kho vốn. Các già làng cũng là những người phát huy các truyền

thống văn hoá trong những điều kiện mới. Họ tiếp thu cái mới một cách thận trọng vừa bảo tồn được những tinh hoa văn hoá của người M'nông. Chính điều này đã làm cho các già làng cũng cố được uy tín của mình trong cộng đồng và có được tín nhiệm đối với thế hệ trẻ. Thực tế ở bon 01 và bon 9 cho thấy các trưởng, phó thôn đã tạo được sự phối hợp nhất định với các già làng trong việc phổ biến và thi hành các chủ trương, chính sách, luật pháp của nhà nước tới mọi người trong bon, trong việc triệu tập và giải quyết nhiều vấn đề thiết thực của bon đặt ra, trong việc theo dõi và quản lý hộ tịch, hộ khẩu, dân số, quản lý xã hội, theo dõi giúp xã quản lý đất đai... Hiện tại giữ chức trưởng thôn 5 là người Việt, còn người M'nông ở bon 10 giữ chức phó thôn. Việc bố trí cán bộ như vậy, có lẽ, chưa thật hợp lý, làm hạn chế sự phối hợp giữa trưởng thôn với già làng trong việc giải quyết các công việc liên quan đến cộng đồng nói chung.

5. Một vài nhận xét

- Tuy cùng một nhóm M'nông nhưng có sự khác nhau về cách bố trí điểm cư trú, về loại hình nhà ở (bon 01 ở nhà sàn, bon 9 ở nhà trệt).

- Kết cấu đơn nhất tộc người ở một số bon đã bị phá vỡ. Hiện tượng cư trú xen kẽ giữa những người khác tộc trong một bon, một xã có xu hướng ngày một gia tăng, chủ yếu do kết quả hôn nhân

hôn hợp, do tăng dân số về cơ học đem lại.

- Gia đình nhỏ là thành tố cấu thành bon, là cơ sở hợp thành xã hội người của bon. Các gia đình trong bon đồng thời thuộc về từng nhóm họ hàng thân thuộc nhất định (đòng họ). Tuy nhiên gia đình lớn vẫn còn bảo lưu dưới dạng tàn dư. Phụ nữ đóng vai trò quyết định đối với nhiều vấn đề trong cuộc sống gia đình, đặc biệt là đối với việc quản lý tài chính và điều phối chi tiêu. Quyền thừa kế cũng theo dòng mẹ.

- Bon của người M'nông có địa vực chung; trong sở hữu cộng đồng truyền thống của bon đối với đất đai có quyền sử dụng của từng gia đình trên các phần đất mà họ canh tác. Song sở hữu cộng đồng truyền thống về đất đai của bon và quyền sử dụng của từng gia đình, trong một số trường hợp, đang có những thay đổi vì các nguyên nhân khác nhau.

- Chế độ "già làng", luật tục, các quan hệ cộng đồng trong sở hữu đất đai, trong lao động sản xuất, trong nghi lễ, trong ý thức về địa vực cư trú, tình cảm còn đang chi phối đáng kể trong đời sống bon làng.

- Do cư trú đan xen tộc người nên ở một số bon, xã đã và đang nảy sinh những mối quan hệ tộc người.

- Tính cố kết cộng đồng trong "bon" còn mạnh, và tư tưởng phân phối bình quân xưa còn biểu hiện tương đối rõ nét.